

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất cho ngư dân của một số địa phương gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển năm 2015

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;
Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển;
Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ tàu thuyền của ngư dân; gia đình có người bị chết, mất tích và người bị thương do bão lũ năm 2009 gây ra;
Căn cứ Quyết định số 4546/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2015 của tỉnh Thanh Hóa;
Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4673/STC-QLNSHX ngày 27/11/2015 về việc đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ ngư dân gặp rủi ro do thiên tai trên biển năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí khôi phục sản xuất cho ngư dân của một số địa phương gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển năm 2015, với các nội dung chính như sau:

1. Mức hỗ trợ: Áp dụng theo mức quy định tại Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển và Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ tàu thuyền của ngư dân; gia đình có người bị chết, mất tích và người bị thương do bão lũ năm 2009 gây ra và cộng thêm phần trượt giá 20% phần hỗ trợ thiệt hại tàu và ngư cụ theo mức tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Kinh phí hỗ trợ:

2.1. Tổng số: 669.669.000 đồng;

(Sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng)

Trong đó:

- Huyện Hậu Lộc: 597.669.000 đồng;

- Huyện Tĩnh Gia: 72.000.000 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh trong dự toán năm 2015.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện để hỗ trợ cho ngư dân; đồng thời, tổng hợp quyết toán báo cáo Bộ Tài chính bổ sung kinh phí theo đúng quy định.

2. Giao UBND các huyện Hậu Lộc, Tĩnh Gia có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác chi trả tại UBND các huyện Hậu Lộc, Tĩnh Gia đảm bảo theo quy định hiện hành.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các đơn vị liên quan xây dựng quy định cụ thể mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ; có ý kiến đề xuất, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Hậu Lộc, Tĩnh Gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**PHỤ BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT CHO NGƯ DÂN CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG GẶP
RỦI RO DO THIÊN TAI GÂY RA TRONG KHI HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí huyện đề nghị hỗ trợ		Kinh phí hỗ trợ	
		Tàu công suất	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Tàu công suất	Kinh phí hỗ trợ
	Tổng cộng		6.803.169.000		669.669.000
I	Huyện Hậu Lộc		6.383.169.000		597.669.000
A	Tàu bị nạn		6.314.500.000		529.000.000
1	Tàu TH-90645-TS (Chủ tàu: Hoàng Văn Bình)		184.500.000		35.000.000
1.1	Thiệt hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	150 CV	168.000.000	150 CV	30.000.000
1.2	Thiệt hại về ngư cụ				
1.3	Hỗ trợ khác:		16.500.000		5.000.000
	- Bộ đàm		16.500.000		5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				
2	Tàu TH-90870-TS (Chủ tàu: Nguyễn Văn Bình)		94.000.000		26.000.000
2.1	Thiệt hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	140 CV	77.000.000	140 CV	21.000.000
2.2	Thiệt hại về ngư cụ				
2.3	Hỗ trợ khác:		17.000.000		5.000.000
	- Bộ đàm		17.000.000		5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				
3	Tàu TH-90243-TS (Chủ tàu: Hoàng Văn Sỹ)		620.000.000		41.000.000
3.1	Thiệt hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	320 CV	603.000.000	320 CV	36.000.000
3.2	Thiệt hại về ngư cụ				
3.3	Hỗ trợ khác:		17.000.000		5.000.000
	- Bộ đàm		17.000.000		5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				
4	Tàu TH-90446 (Chủ tàu: Hoàng Văn Duân)		1.490.000.000		74.000.000
4.1	Thiệt hại về tàu cá (mất tích)	155 CV	1.320.000.000	155 CV	30.000.000
4.2	Thiệt hại về ngư cụ		150.000.000		36.000.000
4.3	Hỗ trợ khác:		20.000.000		8.000.000
	- Bộ đàm		20.000.000		5.000.000

STT	Nội dung	Kinh phí huyện đề nghị hỗ trợ		Kinh phí hỗ trợ	
		Tàu công suất	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Tàu công suất	Kinh phí hỗ trợ
5	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh Tàu TH-90683 (Chủ tàu: Đặng Văn Giới)		149.000.000		3.000.000
5.1	Thiết hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	250 CV	133.000.000	250 CV	41.000.000
5.2	Thiết hại về ngư cụ				36.000.000
5.3	Hỗ trợ khác:		16.000.000		5.000.000
	- Bộ đàm		16.000.000		5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				
6	Tàu TH-90616 (Chủ tàu: Nguyễn Văn Thương)		136.000.000		30.000.000
6.1	Thiết hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	180 CV	136.000.000	180 CV	30.000.000
6.2	Thiết hại về ngư cụ				
6.3	Hỗ trợ khác:				
	- Bộ đàm				
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				
7	Tàu TH-90696 (Chủ tàu: Bùi Văn Dũng)		1.800.000.000		104.000.000
7.1	Thiết hại về tàu cá (hư hỏng hoàn toàn)	165 CV	1.600.000.000	165 CV	60.000.000
7.2	Thiết hại về ngư cụ		100.000.000		36.000.000
7.3	Hỗ trợ khác:		100.000.000		8.000.000
	- Bộ đàm		100.000.000		5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				3.000.000
8	Tàu TH-91287-TS (Chủ tàu: Đặng Văn Toanh)		1.481.000.000		104.000.000
8.1	Thiết hại về tàu cá (mất tích)	180 CV	1.058.500.000	180 CV	60.000.000
8.2	Thiết hại về ngư cụ		422.500.000		36.000.000
8.3	Hỗ trợ khác:				8.000.000
	- Bộ đàm				5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				3.000.000
9	Tàu TH-90672-TS (Chủ tàu: Tô Văn Ngọ)		360.000.000		74.000.000
9.1	Thiết hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	180 CV	340.000.000	180 CV	30.000.000
9.2	Thiết hại về ngư cụ				36.000.000
9.3	Hỗ trợ khác:		20.000.000		8.000.000
	- Bộ đàm		20.000.000		5.000.000
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				3.000.000

STT		Kinh phí huyện đề nghị hỗ trợ		Kinh phí hỗ trợ	
		Tàu công suất	Kinh phí đề nghị hỗ trợ	Tàu công suất	Kinh phí hỗ trợ
B	Tàu tham gia tìm kiếm cứu nạn		68.669.000		68.669.000
	Các tàu cá tham gia TKCN tàu cá TH-91287-TS		68.669.000		68.669.000
1	TH-90618-TS	155 CV	19.541.000	155 CV	19.541.000
-	Hỗ trợ nhiên liệu		13.541.000		13.541.000
-	Hỗ trợ tiền ăn cho thuyền viên (8 người)		6.000.000		6.000.000
2	TH-90355-TS	235 CV	26.530.000	235 CV	26.530.000
-	Hỗ trợ nhiên liệu		20.530.000		20.530.000
-	Hỗ trợ tiền ăn cho thuyền viên (8 người)		6.000.000		6.000.000
3	TH-91567-TS	190 CV	22.598.000	190 CV	22.598.000
-	Hỗ trợ nhiên liệu		16.598.000		16.598.000
-	Hỗ trợ tiền ăn cho thuyền viên (8 người)		6.000.000		6.000.000
II	Huyện Tĩnh Gia		420.000.000		72.000.000
A	Tàu bị nạn		270.000.000		72.000.000
1	Tàu TH-91968-TS (Chủ tàu: Hoàng Văn Dũng)		270.000.000		72.000.000
1.1	Thiệt hại về tàu cá (hư hỏng nặng)	725 CV	190.000.000	725 CV	36.000.000
1.2	Thiệt hại về ngư cụ		50.000.000		36.000.000
1.3	Hỗ trợ khác:		30.000.000		
	- Bộ đàm				
	- Phao tròn và Áo phao cứu sinh				
	- Đá lạnh		30.000.000		
B	Tàu tham gia tìm kiếm cứu nạn		150.000.000		
1	Hỗ trợ thuê tàu cứu nạn		150.000.000		